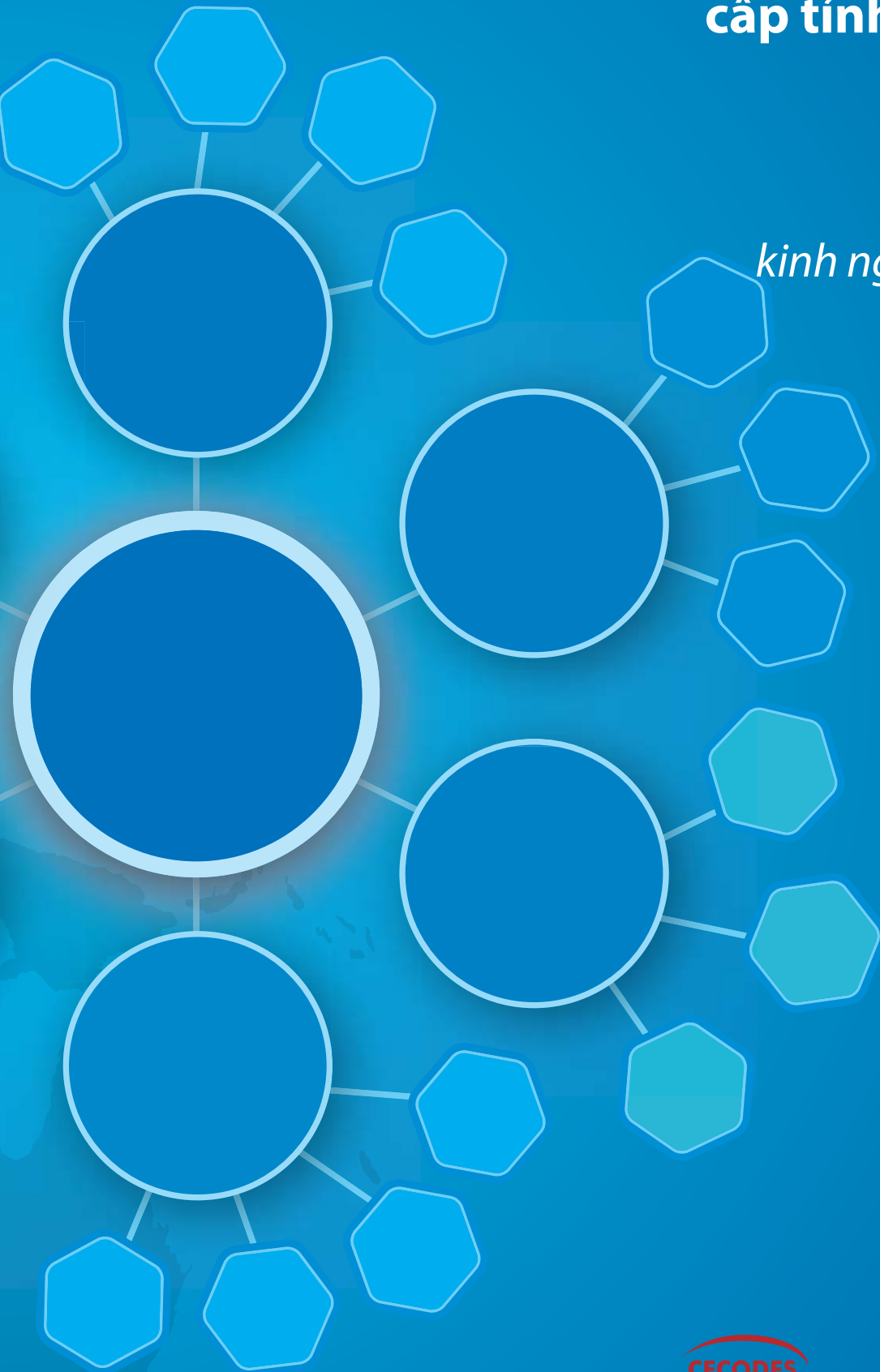


Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam PAPI 2013

*Đo lường từ
kinh nghiệm thực tiễn
của người dân*



Trung tâm Nghiên cứu Phát triển
và Hỗ trợ Cộng đồng



Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ và
nghiên cứu Khoa học
Mặt trận Tổ quốc Việt Nam



Empowered lives
Resilient nation.

Tên trích dẫn nguồn: CECODES, VFF-CRT & UNDP (2014). *Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) 2013: Đo lường từ kinh nghiệm thực tiễn của người dân*. Báo cáo nghiên cứu chính sách chung của Trung tâm Nghiên cứu phát triển và Hỗ trợ cộng đồng (CECODES), Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu khoa học Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (VFF-CRT), và Chương trình Phát triển Liên Hợp quốc (UNDP). Hà Nội, Việt Nam.

Bảo hộ bản quyền. Không được sao in, tái bản, lưu trữ trong một hệ thống mở hoặc chuyển tải bất kỳ phần nào hoặc toàn bộ nội dung của báo cáo này dưới mọi hình thức như điện tử, sao in, ghi âm hoặc các hình thức khác khi chưa được sự đồng ý của các tổ chức thực hiện nghiên cứu.

Trong trường hợp bản in có lỗi hoặc thiếu trang, vui lòng truy cập bản điện tử từ trang mạng PAPI tại www.papi.vn.

Ghi chú: Các quan điểm, phát hiện và kết luận đưa ra trong báo cáo này không nhất thiết phản ánh quan điểm chính thức của các cơ quan tham gia thực hiện nghiên cứu. Đây là ấn bản nghiên cứu mang tính độc lập.

Các bản đồ sử dụng trong báo cáo chỉ mang tính minh họa. Đối với Chương trình Phát triển Liên Hợp quốc (UNDP), cơ quan đồng thực hiện nghiên cứu PAPI, những thông tin được biểu hiện trên bản đồ sử dụng trong ấn phẩm báo cáo này không hàm ý bất kỳ quan điểm nào của Liên Hợp quốc hoặc UNDP về tính pháp lý của bất kỳ quốc gia, vùng lãnh thổ, tỉnh/thành phố, khu vực, đơn vị hành chính, hoặc về đường biên giới hoặc ranh giới liên quan được biểu thị trên bản đồ.

Thiết kế trang bìa: Phan Hương Giang, UNDP Việt Nam

Thiết kế chung: Golden Sky Co.,Ltd. – www.goldenskyvn.com

Giấy đăng ký KHXB-CXB số 167-2014/CXB/276-08/LĐ. QĐXB số: 157/QĐLK-LĐ ngày 14/3/2014

ISBN: 978-604-59-1185-3



CHỈ SỐ HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ VÀ HÀNH CHÍNH CÔNG CẤP TỈNH Ở VIỆT NAM

PAPI 2013

ĐO LƯỜNG TỪ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN CỦA NGƯỜI DÂN

Trung tâm Nghiên cứu phát triển và Hỗ trợ cộng đồng (CECODES)

Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ và Nghiên cứu khoa học Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (VFF-CRT)

Chương trình Phát triển Liên Hợp quốc tại Việt Nam (UNDP)

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	v
LỜI CẢM ƠN	vii
DANH SÁCH BAN TƯ VẤN QUỐC GIA PAPI	ix
TÓM TẮT TỔNG QUAN	x
GIỚI THIỆU	1

CHƯƠNG 1: XU THẾ BIẾN ĐỔI Ở CẤP QUỐC GIA TỪ 2011 ĐẾN 2013

Theo dõi mức độ thay đổi hiệu quả quản trị và hành chính công	5
Bối cảnh phát triển chung	9
Tham nhũng và chất lượng dịch vụ công	11
Yếu tố tác động đến mức độ hài lòng của người sử dụng dịch vụ công	14
Kết luận	17

CHƯƠNG 2: BÌNH ĐẲNG TRONG THỤ HƯỞNG TỪ QUẢN TRỊ VÀ HÀNH CHÍNH CÔNG CẤP TỈNH

Giới thiệu	19
Phân tích sự khác biệt về trải nghiệm giữa các nhóm dân cư	20
Phân tích bất bình đẳng trong thụ hưởng từ quản trị và hành chính công cấp tỉnh	21
Bất bình đẳng trong thụ hưởng từ quản trị và hành chính công cấp tỉnh qua các năm	24
Phân tích bất bình đẳng theo từng lĩnh vực nội dung	25
Động cơ thúc đẩy bình đẳng trong quản trị và hành chính công	25
Kết luận	29

CHƯƠNG 3: CHỈ SỐ HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ VÀ HÀNH CHÍNH CÔNG CẤP TỈNH NĂM 2013: KẾT QUẢ VÀ SO SÁNH QUA CÁC NĂM

Trục nội dung 1: Tham gia của người dân ở cấp cơ sở	31
Tri thức công dân	38
Cơ hội tham gia	38
Chất lượng bầu cử cấp cơ sở	39
Đóng góp tự nguyện	40
Trục nội dung 2: Công khai, minh bạch	41
Công khai, minh bạch danh sách hộ nghèo	46

Công khai, minh bạch thu chi ngân sách cấp xã, phường	46
Công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và khung giá đất	47

Trục nội dung 3: Trách nhiệm giải trình với người dân	48
Mức độ và hiệu quả trong tiếp xúc với chính quyền	53
Hiệu quả của Ban Thanh tra nhân dân (Ban TTND)	54
Hiệu quả của Ban Giám sát đầu tư công đồng (Ban GSĐTCD)	54

Trục nội dung 4: Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công	55
Kiểm soát tham nhũng trong chính quyền địa phương	60
Kiểm soát tham nhũng trong cung ứng dịch vụ công	61
Công bằng trong tuyển dụng nhân lực vào khu vực nhà nước	62
Quyết tâm chống tham nhũng	63

Trục nội dung 5: Thủ tục hành chính công	65
Dịch vụ chứng thực, xác nhận	70
Dịch vụ và thủ tục cấp phép xây dựng	71
Dịch vụ và thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	72
Dịch vụ và thủ tục hành chính ở cấp xã/phường	74

Trục nội dung 6: Cung ứng dịch vụ công	76
Y tế công lập	82
Giáo dục tiểu học công lập	84
Cơ sở hạ tầng căn bản	85
An ninh, trật tự tại địa bàn khu dân cư	86

Chỉ số tổng hợp PAPI 2013 và phương pháp tổng hợp	87
Chỉ số tổng hợp PAPI 2013 theo sáu trục nội dung	87
Chỉ số PAPI 2013 chưa có trọng số	89
Chỉ số tổng hợp PAPI 2013 có trọng số	92
Tính ổn định của Chỉ số PAPI	96
Mối tương quan giữa Chỉ số PAPI 2013 và Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh 2013	97

TÀI LIỆU THAM KHẢO	98
PHỤ LỤC	101
Phụ lục A: Đặc điểm nhân khẩu học chính của mẫu khảo sát PAPI 2013	101

Phụ lục B: Danh mục một số nghiên cứu chính sách sử dụng dữ liệu PAPI trong phân tích và bài viết tham khảo kết quả PAPI	105
---	------------

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1.1: Điểm trung bình của sáu lĩnh vực nội dung qua ba năm từ 2011 đến 2013	5	Biểu đồ 3.4c: Tình trạng tham nhũng vặt trong khu vực công theo cảm nhận của người dân	60
Biểu đồ 1.2: Xu thế thay đổi qua ba năm (2011-2013) ở cấp trực nội dung	8	Biểu đồ 3.4d: Tầm quan trọng của việc quen thân theo loại vị trí xin vào làm việc	63
Biểu đồ 1.3: Tình hình kinh tế hộ gia đình trong năm 2013.....	10	Biểu đồ 3.5a: Thủ tục hành chính công (Trực nội dung 5).....	67
Biểu đồ 1.4: Tình hình kinh tế hộ gia đình so với 5 năm trước	10	Biểu đồ 3.5b: Thay đổi ở Trực nội dung 5 ‘Thủ tục hành chính công’.....	68
Biểu đồ 1.5: Tình hình kinh tế hộ gia đình 5 năm tới (từ 2013)	10	Biểu đồ 3.5c: Đánh giá về thủ tục và chất lượng dịch vụ chứng thực, xác nhận	70
Biểu đồ 1.6: Những vấn đề kinh tế-xã hội đáng lo ngại nhất năm 2013.....	11	Biểu đồ 3.5d: Đánh giá về thủ tục và chất lượng dịch vụ hành chính cấp phép xây dựng.....	71
Biểu đồ 1.7: Đánh giá tình hình tham nhũng và hối lộ trong khu vực công (2011-2013).....	12	Biểu đồ 3.5e: Đánh giá về thủ tục và chất lượng cung ứng dịch vụ hành chính liên quan đến cấp giấy CNQSD đất.....	73
Biểu đồ 1.8: Đánh giá mức độ nghiêm túc của chính quyền địa phương trong phòng, chống tham nhũng (2011-2013)	13	Biểu đồ 3.5g: Đánh giá dịch vụ thủ tục hành chính ở cấp xã/phường	75
Biểu đồ 1.9: Yếu tố tác động tới mức độ hài lòng của người sử dụng dịch vụ hành chính công.....	14	Biểu đồ 3.6a: Cung ứng dịch vụ công (Trực nội dung 6)	78
Biểu đồ 1.10: Yếu tố tác động tới mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ công	15	Biểu đồ 3.6b: Thay đổi ở Trực nội dung 6 ‘Cung ứng dịch vụ công’.....	79
Biểu đồ 1.11: Đánh giá về tầm quan trọng của quan hệ cá nhân khi xin việc vào khu vực nhà nước (2011-2013)	16	Biểu đồ 3.6c: Đánh giá của người dân về bệnh viện tuyến huyện/quận.....	82
Biểu đồ 2.1: Chỉ số PAPI 2013 có trọng số và sai số chuẩn trong PAPI 2013.....	22	Biểu đồ 3.6d: Đánh giá của người dân về trường tiểu học công lập.....	84
Biểu đồ 2.2: Chỉ số PAPI 2012 có trọng số và sai số chuẩn trong PAPI 2012.....	23	Biểu đồ 3.7a: Chỉ số PAPI 2013 theo sáu trực nội dung	88
Biểu đồ 2.3: Chỉ số PAPI 2011 có trọng số và sai số chuẩn trong PAPI 2011	23	Biểu đồ 3.7b: So sánh điểm số PAPI 2013 của ba tỉnh/thành phố	89
Biểu đồ 3.1a: Tham gia của người dân ở cấp cơ sở (Trực nội dung 1)	33	Biểu đồ 3.7c: Chỉ số tổng hợp PAPI 2013 chưa có trọng số	90
Biểu đồ 3.1b: Thay đổi ở Trực nội dung 1 ‘Tham gia của người dân ở cấp cơ sở’.....	35	Biểu đồ 3.7d: Chỉ số tổng hợp PAPI 2013 có trọng số	93
Biểu đồ 3.2a: Công khai, minh bạch (Trực nội dung 2)	43	Biểu đồ 3.7e: Chỉ số PAPI 2013 tổng hợp có trọng số (với khoảng tin cậy 95%)	95
Biểu đồ 3.2b: Thay đổi ở Trực nội dung 2 ‘Công khai, minh bạch’	44	Biểu đồ 3.7f: Mối tương quan giữa Chỉ số PAPI qua các năm 2011, 2012 và 2013.....	96
Biểu đồ 3.3a: Trách nhiệm giải trình với người dân (Trực nội dung 3)	50	Biểu đồ 3.7g: Mối tương quan giữa Chỉ số PAPI 2013 và Chỉ số PCI 2013	97
Biểu đồ 3.3b: Thay đổi ở Trực nội dung 3 ‘Trách nhiệm giải trình với người dân’.....	51	Biểu đồ A1: Thành phần dân tộc Kinh trong mẫu PAPI 2013 so với Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009	102
Biểu đồ 3.4a: Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công (Trực nội dung 4)	57	Biểu đồ A2: Mẫu khảo sát PAPI 2013 phân bố theo nhóm tuổi và so với Tổng điều tra dân số 2009	102
Biểu đồ 3.4b: Thay đổi ở Trực nội dung 4 ‘Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công’.....	58	Biểu đồ A3: Nghề nghiệp của người trả lời PAPI 2013 (%) ..	103
		Biểu đồ A4: Trình độ học vấn, học vị cao nhất của người trả lời PAPI 2013 (%).....	103

DANH MỤC BẢN ĐỒ

Bản đồ 3.1:	Tham gia của người dân ở cấp tỉnh phân theo 4 cấp độ hiệu quả.....	32	Bản đồ 3.5:	Thủ tục hành chính công ở cấp tỉnh phân theo 4 cấp độ hiệu quả.....	65
Bản đồ 3.2:	Công khai, minh bạch ở cấp tỉnh phân theo 4 cấp độ hiệu quả.....	41	Bản đồ 3.6:	Cung ứng dịch vụ công ở cấp tỉnh phân theo 4 cấp độ hiệu quả.....	76
Bản đồ 3.3:	Trách nhiệm giải trình với người dân ở cấp tỉnh phân theo 4 cấp độ hiệu quả.....	48	Bản đồ 3.7a:	Chỉ số tổng hợp PAPI 2013 chưa có trọng số phân theo 4 cấp độ hiệu quả.....	91
Bản đồ 3.4:	Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công ở cấp tỉnh phân theo 4 cấp độ hiệu quả.....	55	Bản đồ 3.7b:	Chỉ số tổng hợp PAPI 2013 có trọng số phân theo 4 cấp độ hiệu quả.....	94

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1:	Những địa phương đã có hoạt động cụ thể nhằm cải thiện hiệu quả quản trị và hành chính công từ năm 2012 đến nay.....	2	Bảng 3.1:	Danh mục chỉ số thành phần thuộc Trục nội dung 1 'Tham gia của người dân ở cấp cơ sở'.....	36
Bảng 1.1:	So sánh điểm số ở 6 trục nội dung và 22 nội dung thành phần (từ 2011 đến 2013).....	7	Bảng 3.2:	Danh mục chỉ số thành phần thuộc Trục nội dung 2 'Công khai, minh bạch'.....	45
Bảng 1.2:	Đo lường mức độ phổ biến của hành vi hối lộ.....	13	Bảng 3.3:	Danh mục chỉ số thành phần thuộc Trục nội dung 3 'Trách nhiệm giải trình với người dân'.....	52
Bảng 2.1:	Giải thích sự khác biệt về trải nghiệm sử dụng điểm số PAPI có trọng số.....	20	Bảng 3.4:	Danh mục chỉ số thành phần thuộc Trục nội dung 4 'Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công'.....	59
Bảng 2.2:	Mối tương quan giữa các giá trị đo bất bình đẳng qua các năm.....	24	Bảng 3.5:	Danh mục chỉ số thành phần thuộc Trục nội dung 5 'Thủ tục hành chính công'.....	69
Bảng 2.3:	Biến đổi lớn nhất về bất bình đẳng (theo tỉnh/thành phố).....	24	Bảng 3.6:	Danh mục chỉ số thành phần thuộc Trục nội dung 6 'Cung ứng dịch vụ công'.....	80
Bảng 2.4:	Phân tích bất bình đẳng theo lĩnh vực nội dung qua các năm.....	25	Bảng 3.7:	So sánh chỉ số thành phần của sáu tỉnh/ thành phố đông dân cư nhất.....	89
Bảng 2.5:	Mối tương quan giữa các điểm số PAPI có trọng số.....	26	Bảng A:	So sánh phân phối các biến nhân khẩu qua thời gian và với Tổng điều tra dân số năm 2009.....	101
Bảng 2.6:	Mối tương quan giữa các trục nội dung.....	28	Bảng B:	Cơ cấu đối tượng khảo sát theo giới của các tỉnh/thành phố.....	104

LỜI NÓI ĐẦU

Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (sau đây gọi tắt theo tên tiếng Anh là PAPI) là công cụ đo lường mức độ hiệu quả thực thi chính sách tới cấp cơ sở với phạm vi rộng nhất tại Việt Nam từ trước tới nay. Được tổng hợp từ trải nghiệm thực tiễn của người dân, Chỉ số PAPI đưa ra những chỉ báo về hiệu quả tương tác với người dân và chất lượng cung ứng dịch vụ công tới người sử dụng của chính quyền các cấp trong bối cảnh Việt Nam đạt được mức thu nhập trung bình thấp. Chỉ số PAPI là sáng kiến mang tính tiên phong của Việt Nam, phù hợp với trình độ phát triển của đất nước, phản ánh một cách khách quan, có căn cứ khoa học về những việc các cấp chính quyền đã làm được và chưa làm được trong thực thi chính sách và cung ứng dịch vụ công.

Thông qua Chỉ số PAPI, người dân đại diện cho mọi tầng lớp nhân dân trên mọi miền đất nước cùng chia sẻ ý kiến, tạo ra nguồn thông tin, dữ liệu phản ánh tiếng nói chung về mức độ hiệu quả của bộ máy nhà nước và chất lượng cung ứng dịch vụ của chính quyền các cấp. Chỉ số PAPI cung cấp hệ thống chỉ báo khách quan góp phần đánh giá mang tính định lượng về hiệu quả quản trị và hành chính công ở cấp tỉnh, tạo động lực để lãnh đạo các cấp tại địa phương nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và cung ứng dịch vụ ngày càng tốt hơn cho ‘khách hàng’.

Báo cáo PAPI 2013 là kết quả của nghiên cứu và khảo sát PAPI năm thứ ba liên tiếp trên phạm vi toàn quốc, dựa trên trải nghiệm của 13.892 người dân được chọn ngẫu nhiên đại diện cho các nhóm nhân khẩu đa dạng từ tất cả 63 tỉnh/thành phố trên cả nước. Tính từ năm đầu triển khai thí điểm (2009) cho tới nay, gần 50.000 người dân trên toàn lãnh thổ Việt Nam đã tham gia trả lời phỏng vấn trực tiếp và chia sẻ trải nghiệm và đánh giá của mình về hiệu quả quản trị và hành chính công của các cấp chính quyền từ cấp tỉnh/thành phố đến cấp thôn/tổ dân phố.

Chỉ số PAPI ngày càng khẳng định được vị trí là một trong những công cụ theo dõi và giám sát hiệu quả quản trị và hành chính công trong nước và quốc tế. Ở cấp quốc gia, Chỉ số PAPI ngày càng được ghi nhận là bộ chỉ số giúp người dân tham gia giám sát và phân biện xã hội. Chỉ số PAPI cũng là nguồn dữ liệu và thông tin phục vụ đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp. Trong khuôn khổ hợp tác với Viện Nghiên cứu lập pháp (Ủy ban Thường vụ Quốc hội), kết quả nghiên cứu PAPI 2012 đã được giới thiệu và trao đổi với đại biểu Quốc hội tại hội thảo trong dịp kỳ họp Quốc hội tháng 5 năm 2013, và sau đó với đại biểu Hội đồng nhân dân, Đoàn đại biểu Quốc hội 63 tỉnh, thành phố thông qua các cuộc hội thảo ở ba miền trên toàn quốc đầu tháng 7 năm 2013, trước đợt lấy phiếu tín nhiệm các vị trí dân bầu ở cấp địa phương.

Sự ghi nhận của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh về tính cấp thiết của Chỉ số PAPI là nguồn cổ vũ lớn đối với nghiên cứu. Kết quả của Chỉ số PAPI đã và đang được giới thiệu tại các lớp thuộc Chương trình đào tạo lãnh đạo nguồn cao cấp của Học viện.

Ở cấp địa phương, nhiều tỉnh, thành phố đã coi Chỉ số PAPI là một công cụ quan trọng nhằm theo dõi và giám sát hiệu quả công tác của các cấp chính quyền. Cho đến nay, có khoảng 22 tỉnh và thành phố trên cả nước đã quan tâm phân tích hoặc chỉ đạo các sở, ban, ngành xây dựng kế hoạch hành động nhằm cải thiện Chỉ số PAPI, phát huy mặt mạnh, khắc phục mặt yếu nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công của địa phương mình.

Ở tầm quốc tế, Chỉ số PAPI của Việt Nam được xem là công cụ lắng nghe tiếng nói của người dân có giá trị và có thể nhân rộng để. Sáng kiến PAPI đã được chia sẻ tại nhiều hội nghị và diễn đàn quốc tế về quản trị và quản lý hiệu quả của chính quyền. Tại Hội nghị toàn cầu về “Quản lý hiệu quả bộ máy chính quyền” tổ chức tại Ấn Độ tháng 12 năm 2013, PAPI được đánh giá là một trong 12 sáng kiến hay trên

thế giới về theo dõi và đánh giá hiệu quả của bộ máy chính quyền. Bên cạnh đó, dữ liệu và kết quả nghiên cứu của PAPI ngày càng được nhiều nhà nghiên cứu trong, ngoài nước sử dụng trong các công trình xuất bản trên các tạp chí học thuật quốc tế.

Tính khoa học, sự quan tâm đến người thụ hưởng và độ tin cậy của Chỉ số PAPI được bảo đảm nhờ sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các cơ quan trong nước (Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ và Nghiên cứu khoa học MTTQ Việt Nam; Trung tâm Nghiên cứu Phát triển và Hỗ trợ Cộng đồng—CECODES, thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam) và đối tác quốc tế (Chương trình phát triển Liên Hợp quốc tại Việt Nam—UNDP, và các chuyên gia quốc tế của UNDP); giữa cấp trung ương và cấp địa phương (Ủy ban MTTQ từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở).

Nghiên cứu PAPI nhận được sự hướng dẫn tận tình và đóng góp tích cực về mặt nội dung của Ban Tư vấn Quốc gia trong suốt quá trình nghiên cứu, đảm bảo tính nhất quán và giá trị sử dụng của Chỉ số PAPI. Với cơ cấu thành

viên là đại diện đến từ nhiều cơ quan, ban ngành của nhà nước và giới học giả, Ban Tư vấn đem đến cho PAPI những kiến thức am tường về quản trị và điều hành ở cấp trung ương và góc nhìn của những nhà nghiên cứu. Ban Tư vấn Quốc gia đã nhấn mạnh, bên cạnh những tác động ở cấp địa phương, Chỉ số PAPI cần nâng tầm ảnh hưởng ở cấp quốc gia từ những đóng góp thiết thực cho quá trình hoàn thiện chính sách của nhà nước.

Kết quả phân tích từ Chỉ số PAPI năm 2013 tiếp tục đóng góp tích cực vào quá trình cải thiện hiệu quả công tác điều hành, quản lý nhà nước và cung ứng dịch vụ công ở cấp tỉnh. Bên cạnh đó, với dữ liệu khách quan, được thu thập và phân tích bằng phương pháp khoa học hiện đại, theo chuẩn mực quốc tế, Chỉ số PAPI là nguồn dữ liệu thực chứng có giá trị tham khảo cao đối với các nhà hoạch định và thực thi chính sách, các tổ chức xã hội, các cơ quan truyền thông-báo chí, giới nghiên cứu và cộng đồng các nhà tài trợ, vì mục tiêu nâng tầm phát triển về mọi mặt của Việt Nam.

Trung tâm
Nghiên cứu phát triển
và Hỗ trợ cộng đồng

Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ
và Nghiên cứu khoa học
Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Chương trình Phát triển
Liên Hợp quốc tại Việt Nam

LỜI CẢM ƠN

Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) là kết quả của hoạt động hợp tác nghiên cứu giữa Trung tâm Nghiên cứu phát triển và Hỗ trợ cộng đồng (CECODES) thuộc Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam (VUSTA), một số cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) Việt Nam, và Chương trình Phát triển Liên Hợp quốc (UNDP) tại Việt Nam. Năm 2013 đánh dấu năm thứ năm của mối quan hệ hợp tác hiệu quả và tích cực giữa các tổ chức thực hiện nghiên cứu PAPI và năm thứ ba xây dựng Chỉ số PAPI trên phạm vi toàn quốc.

Báo cáo PAPI 2013 được thực hiện bởi nhóm tác giả gồm Jairo Acuña-Alfaro (UNDP—trưởng nhóm), PGS. TS. Đặng Ngọc Dinh (CECODES), TS. Đặng Hoàng Giang (CECODES), TS. Edmund J. Malesky (Phó Giáo sư, Khoa Kinh tế chính trị, Đại học Duke, Hoa Kỳ; chuyên gia tư vấn quốc tế của UNDP), và Đỗ Thanh Huyền (UNDP).

Trân trọng cảm ơn sự chỉ đạo và phối hợp tích cực của Ủy ban MTTQ Việt Nam các tỉnh/thành phố, huyện/quận, xã/phường và thôn/ấp/tổ dân phố ở 63 tỉnh/thành phố để quá trình triển khai khảo sát ở địa phương được thực hiện hiệu quả. Đặc biệt cảm ơn 13.892 người dân được lựa chọn ngẫu nhiên từ mọi tầng lớp dân cư đã tham gia tích cực vào cuộc khảo sát năm 2013 và chia sẻ những trải nghiệm thực tế của mình trong quá trình tương tác với bộ máy hành chính nhà nước ở địa phương, đồng thời nêu lên ý kiến về công tác quản trị, điều hành, hành chính nhà nước và cung ứng dịch vụ công ở địa phương.

Nghiên cứu PAPI nhận được sự đóng góp tích cực về mặt nội dung của Ban Tư vấn Quốc gia. Trân trọng cảm ơn 24 thành viên Ban Tư vấn đã luôn dành thời gian và kiến thức quý giá cho Chỉ số PAPI trong từng giai đoạn nghiên cứu từ trước tới nay. Bên cạnh đó, nghiên cứu PAPI nhận được sự hỗ trợ về mặt chuyên môn và kỹ thuật của TS. Edmund J. Malesky, chuyên gia quốc tế về đo lường hiệu quả quản trị bằng phương pháp định lượng. TS. Pierre F. Landry, Phó Giáo sư về Khoa học

Chính trị, Đại học Pittsburgh, Hoa Kỳ đã tư vấn cho quá trình xây dựng trọng số mẫu của PAPI. Ông Paul Schuler, nghiên cứu sinh Tiến sĩ tại Đại học California, San Diego, Hoa Kỳ, đã hỗ trợ kịp thời trong quá trình chọn mẫu đến cấp thôn/tổ dân phố.

Xin trân trọng cảm ơn sự ủng hộ hiệu quả và kịp thời của lãnh đạo Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam đối với dự án nghiên cứu PAPI, từ đó các Ủy ban MTTQ địa phương đã phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành dự án, giúp quá trình triển khai thu thập dữ liệu PAPI được thuận lợi và có chất lượng tốt.

Chân thành cảm ơn lãnh đạo và chuyên gia của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, đặc biệt là GS. TS. Tạ Ngọc Tấn, Giám đốc Học viện, đã luôn ủng hộ và cộng tác trong hoạt động nghiên cứu, đưa kết quả PAPI vào Chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý trung và cao cấp tại Học viện. Trân trọng cảm ơn TS. Đinh Xuân Thảo, Viện trưởng và đồng nghiệp ở Viện Nghiên cứu Lập pháp (Ủy ban Thường vụ Quốc hội) đã phối hợp trong việc đưa dữ liệu, thông tin PAPI đến với các đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trong năm 2013. Xin cảm ơn TS. Nguyễn Quang Du, Giám đốc và TS. Phạm Thị Hồng, Phó giám đốc và cộng sự tại Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ và Nghiên cứu khoa học MTTQ Việt Nam; cùng ông Nguyễn Ngọc Dinh, nguyên Trưởng Ban Dân chủ–Pháp luật, UBTV MTTQ Việt Nam, đã phối hợp và tổ chức thành công bảy cuộc hội thảo vùng công bố và trao đổi kết quả PAPI 2012 với 63 tỉnh, thành phố trong năm 2013.

Chân thành cảm ơn đội ngũ trưởng nhóm khảo sát kiểm soát phiếu PAPI gồm các ông/bà: Nguyễn Lan Anh, Phạm Hải Bình, Phùng Văn Chấn, Trần Thị Dung, Đỗ Xuân Dương, Vũ Quang Điệp, Nguyễn Vũ Giang, Đặng Hồng Hà, Lại Thị Nguyệt Hằng, Nguyễn Thị Thu Hiền, Nguyễn Công Hiến, Nguyễn Văn Hiệu, Lê Văn Lư, Hoàng Minh, Nguyễn Thanh Nhã, Trần Ngọc Nhân, Lại Nguyệt Nga, Đặng Thanh Phương, Nguyễn Thanh Phương, Vũ Ngọc Quý, Nguyễn Ngọc Tùng, Nguyễn Hữu

Tuyên, Nguyễn Thị Thu Trang, Nguyễn Quỳnh Trang, Đặng Quốc Trung, và Bùi Huy Tường. Họ đã và đang cộng tác tích cực và hiệu quả cùng dự án nghiên cứu PAPI trong suốt quá trình thu thập dữ liệu, tuân thủ nghiêm quy trình chuẩn trong thực hiện khảo sát thực địa của PAPI, góp phần to lớn trong việc đảm bảo chất lượng của quá trình thu thập dữ liệu.

Bên cạnh các trường nhóm khảo sát kiêm giám sát thực địa là hơn 500 phỏng vấn viên được Trung tâm Sống và làm việc vì cộng đồng (Live & Learn) tuyển chọn từ gần 2.000 ứng viên đến từ các trường đại học trên cả nước. Không có sự tham gia của đội ngũ cộng tác viên này, công tác thu thập dữ liệu ở địa phương rất khó hoàn thành.

Nhóm tác giả cũng đặc biệt cảm ơn TS. Lê Thị Nghệ (CECODES), người có những đóng góp quan trọng trong việc tổ chức và điều hành công tác khảo sát; ông Nguyễn Văn Phú và ông Nguyễn Đức Trí đã triển khai hiệu quả mối liên hệ với MTTQ địa phương phục vụ khảo sát

thực địa ở 63 tỉnh/thành phố; TS. Phạm Minh Trí đã xây dựng thành công phần mềm nhập số liệu hiệu quả cho PAPI cùng đội ngũ cộng tác viên (gồm các ông/bà: Trần Công Chính, Đặng Hoàng Phong, Lê Minh Tâm, Trần Thị Thường, Đặng Thị Thu Trang và Phạm Minh Tuấn) đã đảm bảo chất lượng công việc nhập dữ liệu PAPI 2013.

Cám ơn Công ty Media Insights đã hỗ trợ xây dựng trang mạng www.papi.vn. Trân trọng cảm ơn TS. Nguyễn Việt Cường (giảng viên trường Đại học Kinh tế quốc dân) đã nhiệt tình giúp đỡ xây dựng hệ thống bản đồ cho báo cáo. Ông Simon Drought, cộng tác viên của Phòng Truyền thông Liên Hợp quốc tại Việt Nam, đã đọc và hiệu đính báo cáo PAPI phiên bản tiếng Anh.

Cơ quan Hợp tác và Phát triển Thụy Sĩ (SDC) tiếp tục tài trợ chính cho nghiên cứu PAPI cùng với Chương trình Phát triển Liên Hợp quốc (UNDP) tại Việt Nam.

DANH SÁCH BAN TƯ VẤN QUỐC GIA PAPI

Ông **Bakhodir Burkhanov**

Phó Giám đốc quốc gia,
Chương trình Phát triển Liên Hợp
quốc tại Việt Nam

Ông **Bùi Đặng Dũng**

Phó Chủ nhiệm Ủy ban Tài chính và
Ngân sách của Quốc hội, Đại biểu
Quốc hội tỉnh Kiên Giang

Bà **Cao Thị Hồng Vân**

Nguyên Trưởng ban Kinh tế,
Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ
Việt Nam

Ông **Đào Trung Chính**

Phó Tổng cục trưởng Tổng cục
Quản lý Đất đai, Bộ Tài nguyên và
Môi trường

Ông **Đinh Duy Hòa**

Vụ trưởng Vụ Cải cách hành chính,
Bộ Nội vụ

Ông **Đinh Xuân Thảo**

Viện trưởng, Viện Nghiên cứu lập
pháp, Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Ông **Đỗ Duy Thường**

Ủy viên Chủ tịch đoàn,
Phó chủ nhiệm Hội đồng tư vấn
Dân chủ - Pháp luật, Ủy ban Trung
ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Ông **Hà Công Long**

Phó trưởng Ban Dân nguyện, Ủy ban
Thường vụ Quốc hội

Ông **Hồ Ngọc Hải**

Ủy viên Chủ tịch đoàn,
Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc
Việt Nam

Ông **Hoàng Hải**

Tổng Biên tập, Tạp chí Mặt trận,
Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc
Việt Nam

Ông **Hoàng Xuân Hoà**

Quyển Vụ trưởng Vụ Kinh tế Tổng
hợp, Ban Kinh tế Trung Ương,
Đảng Cộng sản Việt Nam

Bà **Lê Thị Nga**

Phó Chủ nhiệm Ủy ban Tư pháp của
Quốc hội

Ông **Lê Văn Lân**

Phó Trưởng Ban, Ban Chỉ đạo Tây Bắc

Ông **Nguyễn Huy Quang**

Phó Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Bộ Y tế

Ông **Nguyễn Văn Quyền**

Nguyên Phó Chánh Văn phòng
Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam

Ông **Nguyễn Quang Thắng**

Vụ trưởng Vụ Lao động, Văn hóa và
Xã hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Bà **Nguyễn Thúy Anh**

Trưởng ban Quốc tế, Tạp chí Cộng sản

Ông **Phạm Anh Tuấn**

Phó Trưởng ban, Ban Nội chính
Trung ương, Ban Chấp hành
Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam

Bà **Phạm Chi Lan**

Chuyên gia kinh tế cao cấp,
nguyên Phó chủ tịch Phòng Thương
mại và Công nghiệp Việt Nam

Ông **Phạm Duy Nghĩa**

Giảng viên, Chương trình giảng dạy
kinh tế Fulbright, Trường Đại học
Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

Ông **Samuel Waelty**

Giám đốc Cơ quan Hợp tác và
Phát triển Thụy sĩ (SDC)

Ông **Thang Văn Phúc**

(Trưởng ban Tư vấn)
Nguyên Thứ trưởng Bộ Nội vụ,
Chủ tịch Viện Những vấn đề
phát triển Việt Nam (VIDS)

Ông **Trần Đức Lượng**

Phó Tổng thanh tra,
Thanh tra Chính phủ

Ông **Trần Việt Hùng**

Phó Chủ tịch Liên hiệp
các Hội Khoa học và kỹ thuật
Việt Nam (VUSTA)

Ghi chú: Trật tự họ và tên các thành viên Ban Tư vấn quốc gia được xếp theo thứ tự ABC.